

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HCPT  
Ngày 16-3-2021  
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà: Nguyễn Thị Thụy Vũ

*Các Thẩm phán:* Ông: Nguyễn Đức Minh

Bà: Phạm Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà: Hoàng Thị Kim Nhi.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà: Phạm Thị Thanh Tuyết- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 554/2020/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 01 tháng 07 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2021/QĐPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

**1/ Ông Lê Văn T**, sinh năm 1953;

**2/ Bà Huỳnh Thị B**, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số nhà 301, đường N, Tổ 6, Khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1953 (theo Giấy ủy quyền ngày 19/12/2019). Có mặt.

**- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H. Chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Văn T. Chức vụ: Phó Chủ tịch. Có mặt.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**1/ Ủy ban nhân dân huyện Đ.**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H. Chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Văn T. Chức vụ: Phó Chủ tịch.  
Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án hành chính số 2128/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Có mặt.

**2/ Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Đ.**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Ngọc D. Chức vụ: Chủ tịch. Xin vắng mặt.

**- Người kháng cáo:** người khởi kiện.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/02/2019 và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện trình bày:*

Người khởi kiện có một thửa đất ruộng diện tích khoảng 900m<sup>2</sup> tại khu vực ruộng đồng Thù Y, thị trấn V, thửa đất này người khởi kiện khai hoang từ năm 1992 và canh tác, sử dụng ổn định không có ai tranh chấp.

Đến năm 2014, người khởi kiện được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 300,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất nêu trên, đó là thửa số 164, tờ bản đồ số 17(242398-8), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 611046 cấp cho ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B. Diện tích khoảng 600m<sup>2</sup> còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người khởi kiện sử dụng đất ổn định từ năm 1994 đến năm 2018 không có tranh chấp, cũng không có bất kỳ văn bản nào của cơ quan nhà nước ngăn cản việc người khởi kiện sử dụng đất.

Ngày 01/02/2018, Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 40/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 611046 đứng tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B, thường trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 07/11/2014.

Sau đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ thu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 611046 đứng tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B.

Không đồng ý với việc thu hồi đất và thu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, người khởi kiện đã khiếu nại tại Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Ủy ban nhân dân huyện Đ (Quyết định số 5491/QĐ-UBND ngày 12/11/2018) giữ nguyên Quyết định số 40/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 611046, thửa số 164, tờ bản đồ 17 (242398-8), diện tích 300,5m<sup>2</sup> đứng tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B.

Người khởi kiện không đồng ý với việc thu hồi đất và kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết các việc sau:

- Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 40/QĐ-UBND, ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 611046 đứng tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B, thường trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 07/11/2014;

- Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 5491/QĐ-UBND, ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, thường trú tại Khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ (lần đầu);

- Khôi phục cho người khởi kiện quyền sử dụng đối với 300,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ 17 (242398-8) tọa lạc tại đồng ruộng Thù Y thuộc thị trấn V, huyện Đ;

- Trả lại cho người khởi kiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 611046 đứng tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 07/11/2014.

*Ý kiến của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Đ:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B. Bởi các lý do sau:

+ Về nguồn gốc sử dụng đất và trình tự, thủ tục giải quyết:

Vào khoảng năm 1980, ngành thủy lợi mức mương để tạo dòng chảy tại khu vực ruộng P (nay là Khu phố 8, thị trấn V). Trong quá trình làm mương thủy lợi đã để lại khoảng diện tích 300m<sup>2</sup> đất và bà Bùi Thị S, trú tại Khu phố 8, thị trấn V đã cải tạo diện tích này để trồng lúa.

Năm 2007, bà S chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nói trên cho vợ chồng bà Trần Thị Thúy P và ông Lê Văn T, trú tại Khu phố 8, thị trấn V.

Cuối năm 2017, vợ chồng bà Trần Thị Thúy P và ông Lê Văn T đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông Nguyễn Minh T trú tại Khu phố 8, thị trấn V và ông T canh tác cho đến nay.

Năm 2014, trong quá trình xác lập hồ sơ xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thị trấn V, Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ có sai sót, nhầm lẫn đối tượng sử dụng đất nên tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 164, diện tích 300,5m<sup>2</sup> đất chuyên trồng lúa thuộc tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất tại khu vực ruộng P (Khu phố 8), thị trấn V cho ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B trú tại Khu phố 1, thị trấn V, huyện Đức L. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên là không đúng đối tượng sử dụng đất

(thực tế và hiện trạng ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B đang sử dụng thửa đất số 630, tờ bản đồ số 26, diện tích khoảng 900m<sup>2</sup>, vị trí thửa đất thuộc khu vực ruộng Thù Y, Khu phố 1, thị trấn V).

Khi phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn T không đúng quy định, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thẩm tra, xác minh theo đúng trình tự, thủ tục và ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 611046 đứng tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B, thường trú tại Khu phố 1, thị trấn V được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 07/11/2014 là đúng quy định của pháp luật (theo Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Khoản 56 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai).

Sau khi nhận được Quyết định số 40 nêu trên; ông T đã có đơn khiếu nại ngày 09/5/2018 khiếu nại quyết định hành chính về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện.

Ngày 21/5/2018, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2412/QĐ-UBND giao cơ quan Thanh tra huyện xác minh, tham mưu giải quyết. Qua thẩm tra, xác minh, Thanh tra huyện có báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 5491/QĐ-UBND, ngày 12/11/2018 giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Lê Văn T, trú tại Khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ. Theo đó, bác đơn khiếu nại của ông Lê Văn T và giữ nguyên Quyết định số 40 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

- *Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn V:* Thống nhất với ý kiến của người bị kiện; liên quan đến thửa đất mà ông T đang khiếu kiện thuộc thửa đất số 630, tờ bản đồ số 26, khu vực đất ruộng Thù Y, tọa lạc tại Khu phố 1, thị trấn V; đất này nằm trong diện tích đất công ích do Nhà nước quản lý, do đó địa phương chưa tham mưu và đề xuất cấp quyền sử dụng đất cho bất kỳ trường hợp nào.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Diện tích 300,5m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại khu đồng ruộng Thù Y, thị trấn V, huyện Đ là do người khởi kiện khai hoang, sử dụng từ năm 1992, người khởi kiện sử dụng đất trồng lúa ổn định đến năm 2013 thì thực hiện việc kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chủ trương của chính quyền địa phương, qua năm 2014 thì người khởi kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 611046, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người khởi kiện thuê xe máy mức để tôn tạo lại đất, coi nói thêm diện tích 900m<sup>2</sup> đất (liền kề thửa đất được cấp giấy chứng nhận); tuy nhiên, đến năm 2018 thì Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện với lý do cấp nhầm tên của ông Lê Văn T ở khu phố 8, thị trấn V là hoàn toàn không đúng, bởi vì ông Lê Văn T mà Ủy ban nhân dân huyện Đ ghi nhận còn nhỏ và không

có thửa đất nào ở đồng Thù Y. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 611046 và quyết định giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T là trái pháp luật.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Kết quả đối thoại không thành.

***\*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử:***

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 106, Điều 204 Luật Đất đai;

Căn cứ các Điều 18, 21, 36 Luật Khiếu nại;

Căn cứ Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1/** Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B về việc:

Yêu cầu hủy Quyết định số 5491/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, thường trú tại khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ (lần đầu).

Yêu cầu hủy Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 611046 mang tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B thường trú: Khu phố 1, TT V, huyện Đ được UBND huyện Đ cấp ngày 07/11/2014.

**2/ Về án phí:** Ông Lê Văn T, bà Huỳnh Thị B phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm được trừ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025831 ngày 05/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Ngày 13/7/2020 người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn T trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và bà B. Ông xác định về đặc điểm thửa đất ông đang canh tác thuộc khu ruộng Thù Y, thị trấn V với diện tích là 900m<sup>2</sup>, quá trình xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được cấp 300,5m<sup>2</sup> nhưng không phát hiện ra việc nhâm lẫn về địa chỉ thửa đất vì là người dân nên không biết các chi tiết về số thửa trong bản đồ. Việc thu hồi giấy chứng nhận theo Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ làm ảnh hưởng đến quyền lợi gia đình ông vì gia đình không có đất nào khác để canh tác.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà B là có nhầm lẫn về vị trí, diện tích và người trực tiếp sử dụng đất nên cần thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp sai. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm do Quyết định 5491/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành là có căn cứ và đúng quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên: về thủ tục tố tụng – người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ kiện: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 5491/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, thường trú tại khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ (lần đầu) và Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 611046 mang tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B thường trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ được UBND huyện Đ cấp ngày 07/11/2014 là đúng quy định của pháp luật. Ông T khởi kiện cho rằng các quyết định nêu trên là trái pháp luật do vợ chồng ông đã canh tác đất từ lâu, đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất nhưng kết quả xác minh hiện trạng đất là không đúng vị trí, có sự nhầm lẫn về chủ thể được cấp giấy nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục:**

Án sơ thẩm đã xác định loại kiện và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đã được tiến hành đúng quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/02/2019, ông Lê Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận hủy Quyết định số 5491/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, thường trú tại khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ (lần đầu) và Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về

việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 611046 mang tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B thường trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ được UBND huyện Đ cấp ngày 07/11/2014 do là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (Quyết định số 5491/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ) và Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 611046 mang tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B là quyết định hành chính có liên quan là có cơ sở.

Xét tính hợp pháp và có căn cứ của 02 quyết định trên thì thấy:

Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất được cấp theo GCNQSD đất đã cấp số BU 611046 là do bà Bùi Thị S cải tạo để trồng lúa từ năm 1980 khi ngành thủy lợi mức mương để tạo dòng chảy tại khu vực ruộng P ( nay thuộc khu phố 8, thị trấn V ) với diện tích khoảng 300m<sup>2</sup>. Năm 2007, bà S chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho vợ chồng ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thúy P, trú tại khu phố 8, thị trấn V. Ông Tấn và bà Phượng tiếp tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh T vào năm 2017.

Đối với ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B cũng có khai thác và sử dụng đất thuộc khu vực ruộng Thú Y, khu phố 1, thị trấn V thuộc thửa đất 630, tờ bản đồ số 26 với diện tích khoảng 900 m<sup>2</sup>. Năm 2014, trong quá trình xác lập hồ sơ xét cấp GCNQSD đất, UBND thị trấn V và Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Đ đã có sai sót, nhầm lẫn đối tượng sử dụng đất nên tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp GCNQSD đất số BU 611046 đối với diện tích đất 300 m<sup>2</sup> chuyên trồng lúa tại tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất tại khu vực ruộng P, khu phố 8, thị trấn V cho ông T bà B là không đúng đối tượng sử dụng.

Như vậy, về hình thức, thẩm quyền cấp GCNQSD đất số BU 611046 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai 2013 và điểm b khoản 2 Điều 37 Nghị định 43/2014/CP. Tuy nhiên về nội dung cấp GCN nêu trên là cấp đất không đúng vị trí, không đúng đối tượng sử dụng đất và không đúng diện tích đất. Đây là sai sót của UBND huyện Đ nên phải thu hồi GCNQSD đất đã cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai 2013.

Đối với Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 611046 mang tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B thì như phân tích trên, do việc cấp GCNQSD đất có sai sót nên Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND là đúng quy định về thẩm quyền, trình tự và nội dung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai, khoản 56 Điều 2 Nghị định 01/2017/CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung

điểm b và c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014 về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Đối với quyết định bị khởi kiện: về hình thức, nội dung thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5491/QĐ-UBND có nội dung “ *không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Văn T và giữ nguyên Quyết định thu hồi GCNQSD đất số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ*” là đúng quy định tại Điều 204 Luật Đất đai 2013 và Điều 18, 21, 36 Luật Khiếu nại năm 2011.

Chủ tịch UBND huyện Đ có thiếu sót là không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu trong thời hạn luật định, tuy nhiên, về nội dung quyết định là phù hợp và không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

Từ các phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

### [3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo ngày 13/7/2020 của ông T yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm vì đánh giá không khách quan, không xem xét đúng bản chất vụ án thấy rằng: tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cũng chỉ trình bày quan điểm như đơn khởi kiện mà không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác so với giai đoạn xét xử sơ thẩm. Như nhận định trên của Hội đồng xét xử, Quyết định 5491/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Đ về giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định thu hồi GCNQSD đất số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã được ban hành là có căn cứ và hợp pháp. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm ông T không phải chịu do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 106, Điều 204 Luật Đất đai;

Căn cứ các Điều 18, 21, 36 Luật Khiếu nại;

Căn cứ Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B về việc:



Yêu cầu hủy Quyết định số 5491/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, thường trú tại khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ (lần đầu).

Yêu cầu hủy Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 611046 mang tên ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị B thường trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện Đ được UBND huyện Đ cấp ngày 07/11/2014.

**2/ Về án phí:**

Ông Lê Văn T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.  
Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT (HTKN).

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đắc Minh**

**Phạm Thị Duyên**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**